

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG NGHỆ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 187/QĐ-CNT

Nghệ An, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát  
Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh**

**BAN KIỂM SOÁT**

**CÔNG TY CP CẢNG NGHỆ TĨNH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh ban hành năm 2021.

**Điều 3.** Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**TRƯỞNG BAN**



**Phan Thị Nhị Hà**

# MỤC LỤC

Chương I .....	3
<b>NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>3</b>
Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng .....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát .....	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	3
Chương II.....	4
<b>THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>4</b>
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát (Đ50) .....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát (Đ50) .....	4
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát (Đ51) .....	5
Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	7
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .....	7
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát .....	7
Chương III .....	8
<b>BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>8</b>
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	8
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát .....	10
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông .....	10
Chương IV.....	11
<b>CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>11</b>
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát .....	11
Điều 16. Nguyên tắc làm việc của Ban Kiểm soát.....	11
Điều 17. Biên bản họp Ban Kiểm soát .....	12
Chương V .....	13
<b>BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....</b>	<b>13</b>
Điều 18. Trình báo cáo hàng năm .....	13
Điều 19. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên .....	13
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan .....	14
Chương VI.....	15
<b>MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>15</b>
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát .....	15
Điều 22. Quan hệ làm việc với Tổng Giám đốc.....	15
Điều 23. Quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị. ....	15
Chương VII.....	16
<b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>16</b>
Điều 24. Hiệu lực thi hành .....	16



# **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CP CẢNG NGHỆ TĨNH**

*(Ban hành kèm Quyết định số 187/QĐ-CNT ngày 14 tháng 4 năm 2026  
của Ban Kiểm soát Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh)*

## **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh (Ban Kiểm soát) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh” viết tắt là “CNT”, là Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 2900325068 đăng ký lần đầu ngày 31/12/2009.

b. “**Điều lệ**” là Điều lệ Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh.

c. “**Hội đồng quản trị**” hoặc “**HĐQT**” là Hội đồng quản trị của CNT.

d. “**Người quản lý doanh nghiệp**” là người quản lý CNT, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

e. “**Người điều hành doanh nghiệp**” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

f. “**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

2. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ CNT cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này.

3. Trường hợp Điều lệ CNT và các quy định của pháp luật có liên quan có sự thay đổi dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với Điều lệ CNT và quy định của pháp luật thì áp dụng theo quy định mới tại Điều lệ CNT và quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ CNT, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của CNT.

3. Trung thành với lợi ích của CNT và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của CNT để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CNT.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho CNT hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho CNT.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát (Đ50)**

1. Ban kiểm soát có 3 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của CNT.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát (Đ50)**

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;



2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của CNT;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác; Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của CNT;

4. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của CNT;

5. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của CNT trong 03 năm liền trước đó.

#### **Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát (Đ51)**

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của CNT.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát: Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 4 Quy chế này, Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tổ chức triển khai việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát tại Điều 12 Quy chế này;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả các Kiểm soát viên liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 12 Quy chế này;

c) Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Ban Kiểm soát;

d) Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát; Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập họp ĐHCĐ bất thường khi Hội đồng quản trị có hành vi vi phạm pháp luật, theo quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty;

e) Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;

f) Phê duyệt chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ 6 tháng, hàng năm; tổ chức chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch của Ban Kiểm soát đã được phê duyệt;

g) Phân công Kiểm soát viên giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của CNT; qua đó đánh giá, nhận định rủi ro trong quá trình hoạt động để đưa vào kế hoạch kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát; nhằm đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và các yêu cầu của đại hội đồng cổ đông đề ra;



h) Ủy quyền cho một Kiểm soát viên thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

i) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị nhưng không biểu quyết;

j) Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong Biên bản họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị;

k) Trực tiếp tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ, các cuộc hội nghị, hội thảo chuyên đề của CNT nhằm mục đích nắm bắt thông tin phục vụ giám sát thường xuyên. Trưởng Ban Kiểm soát chủ động thu xếp, lựa chọn thời gian và nội dung các cuộc họp để tham gia cho phù hợp;

l) Các nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty.

### **Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);
- e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu trên 40% đến 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu trên 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm



ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ CNT. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ CNT.

#### **Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Công ty thực hiện công bố thông tin và thông báo tới cổ đông về danh sách ứng viên Ban Kiểm soát, kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm quy định pháp luật chứng khoán về công bố thông tin và Điều lệ Công ty.



2. Ứng viên Ban Kiểm soát phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của thông tin và cam kết thực hiện nhiệm vụ trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của CNT nếu được bầu.

### **Chương III**

#### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành CNT.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của CNT, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của CNT.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của CNT, công việc quản lý, điều hành hoạt động của CNT khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của CNT.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của CNT.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 55 Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.



9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của CNT.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của CNT để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của CNT; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của CNT, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính CNT, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của CNT, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của CNT lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của CNT trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của CNT.

20. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của CNT, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của CNT.

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa CNT, công ty con, công ty do CNT nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của CNT và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa CNT với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của CNT.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

22. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do CNT phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của CNT lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của CNT trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành CNT phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của CNT theo yêu cầu của Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;



b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho CNT.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được CNT hoàn lại.

## **Chương IV**

### **CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.

2. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng quản trị trở lên.

c. Trưởng Ban kiểm soát.

d. Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại Điểm a, b, d của Khoản 2 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường.

Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

4. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 16. Nguyên tắc làm việc của Ban Kiểm soát**

1. Số thành viên tham dự yêu cầu:



Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc tham dự và biểu quyết từ xa (họp trực tuyến/điện thoại).

2. Nguyên tắc biểu quyết:

a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp trực tiếp thì có thể biểu quyết ý kiến của mình bằng hình thức biểu quyết từ xa như họp trực tuyến hoặc qua điện thoại.

b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát để quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp.

c. Tại cuộc họp, nếu có thành viên Ban kiểm soát nào nghi ngờ một thành viên có quyền lợi liên quan hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên, và những nghi ngờ đó không được thành viên đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên có liên quan đó chưa được biết rõ.

3. Biểu quyết theo đa số:

a. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận.

b. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

c. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định đó được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến và số lượng thành viên tham gia lấy ý kiến bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

**Điều 17. Biên bản họp Ban Kiểm soát**

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm phân công ghi chép và gửi biên bản họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ



trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

3. Sổ biên bản và biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại CNT bởi Ban Kiểm soát.

## **Chương V**

### **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

#### **Điều 18. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo thẩm định về Báo cáo tài chính, báo cáo giám sát về kết quả kinh doanh của CNT, công tác hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Tổng công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của CNT.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa CNT, công ty con, công ty khác do CNT nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa CNT với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của CNT; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của CNT khi xét thấy cần thiết.

#### **Điều 19. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định



tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của CNT theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của CNT.

#### **Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban Kiểm soát của CNT phải kê khai cho CNT về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với CNT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của CNT.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa CNT, công ty con, công ty khác do CNT nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, CNT phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.



## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát**

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

#### **Điều 22. Quan hệ làm việc với Tổng Giám đốc.**

1. Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình làm việc với Tổng giám đốc và hệ thống điều hành phải giữ vững tính độc lập, khách quan, đồng thời phải hợp tác chặt chẽ trong khi thực thi nhiệm vụ của mình.

2. Tổng giám đốc báo cáo việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành CNT và các báo cáo khác theo định kỳ và gửi cho Ban Kiểm soát.

3. Căn cứ và báo cáo hoạt động thường kỳ và những thông tin đáng tin cậy của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc.

4. Ban Kiểm soát kiến nghị và đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc sáu (06) tháng một lần để trình Hội đồng quản trị.

5. Trong trường hợp xét thấy quyết định của Tổng giám đốc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ CNT và/ hoặc quyết định đó có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của CNT, Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Tổng giám đốc dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có yêu cầu, Ban Kiểm soát phải thông báo ý kiến của Ban kiểm soát đến các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc thực hiện quyết định của Tổng giám đốc.

#### **Điều 23. Quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị.**

1. Ban kiểm soát với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của CNT, quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban Kiểm soát.

3. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp.

5. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được gửi đến Ban Kiểm soát.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu quan đến hoạt động của CNT cho Ban Kiểm soát.

7. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng quản trị theo quy định.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này gồm bảy (07) chương, hai mươi tư (24) Điều, được các thành viên Ban Kiểm soát thông qua ngày      tháng      năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế này.

2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với Quy chế này đều hết hiệu lực thi hành./.

